TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2018
V/v: "Tranh chấp xin ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Phúc.

2. Ông Nguyễn Đức Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lường Thị Phương – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Bà Trần Hải Yến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2018/TLST–HNGĐ ngày 16/3/2018 về "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/5/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số nhà 19, tổ 30, thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Ông Cao Tấn Đ, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số nhà 12, tổ 21, thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bà H có mặt, ông Đ vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị H:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đ kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục, tập quán. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Đ ngoại tình, bạo lực gia đình và không có trách nhiệm với vợ con. Vợ chồng bà đã sống ly thân. Bà xác định tình cảm vợ chồng không

còn, bà không thể hòa giải đoàn tụ với ông Đ được. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Cao Tấn Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có 01 con chung tên Cao Minh T, sinh ngày 18/9/2007. Hiện đang sống cùng với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến ngày con thành niên.

Về cấp dưỡng: Bà yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2018 cho đến ngày con chung thành niên.

Về tài sản chung: Bà và ông Đ không có tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Đ không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Cao Tấn Đ tại bản tự khai ngày 16/3/2018:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi chung sống đến năm 2018 thì cảm thấy không hạnh phúc. Nay, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với vợ ông là Dương Thị H.

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung tên Cao Minh T, sinh ngày 18/9/2007. Nếu ly hôn ông tùy vào sự quyết định của con sống với ai. Nếu có yêu cầu cấp dưỡng thì tùy vào khả năng kinh tế của ông và bà H.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Dương Thị H giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm có: 01 bản giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), 01 bản Giấy chứng minh nhân dân – bà H, 01 bản sổ hộ khẩu gia đình (bản photo Thẩm phán đã đối chiếu với bản chính), 01 bản giấy khai sinh con chung (bản sao), 02 bản Bản tự khai của bà H; bị đơn ông Cao Tấn Đ giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm có: 01 bản hộ chiếu – ông Cao Tấn Đ (bản photo Thẩm phán đã đối chiếu với bản chính), 01 bản Bản tự khai của ông Đ; các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được gồm có: 01 Biên bản xác minh (bản chính), 01 bản Bản tự khai của con chung (bản chính).

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án đã tiến hành phiên họp vắng mặt ông Đ và đã thông báo kết quả phiên họp cho ông Đ được biết. Do ông Đ vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tống đạt các giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đầy đủ các quy định của luật tố tụng dân sự;

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, xử cho bà H và ông Đ được ly hôn; Về con chung: Đề nghị giao con chung tên Cao Minh T cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày các con chung thành niên; Về cấp dưỡng: Buộc ông Đ cấp dưỡng nuôi cháu T theo mức quy định của pháp luật cho đến ngày con chung thành niên; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc *"Xin ly hôn"* giữa nguyên đơn bà Dương Thị H với bị đơn ông Cao Tấn Đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 02 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Dương Thị H và ông Cao Tấn Đ là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thạnh, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình vợ chồng chung sống theo bà H thì thời gian đầu có hạnh phúc, đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Bà H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là ông Đ ngoại tình, bạo lực gia đình và không có trách nhiệm với con cái. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn ông Đ. Còn ông Đ cho rằng sau khi chung sống đến năm 2018 thì cảm thấy không hạnh phúc, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa giải quyết việc ly hôn với vợ ông là Dương Thị H. Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của bà H và ông Đ, kết quả xác minh cho thấy: Qúa trình vợ chồng họ chung sống với nhau tại địa phương có xảy ra cãi vã nhưng không lớn và không xảy ra xô xát gì với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Dương Thị H và ông Cao Tấn Đ đã trầm trọng, kéo dài không thể hàn gắn, hiện nay ông bà

đã không còn sống chung với nhau nữa, mục đích hôn nhân không Đ được nên chấp nhận yêu cầu của bà H về việc xin ly hôn với ông Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà H và ông Đ có 01 con chung tên Cao Minh T, sinh ngày 18/9/2007, hiện nay cháu đang sống với bà H. Bà H yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến ngày cháu thành niên. Ông Đ có ý kiến về con chung tùy vào quyết định của con muốn ở với ai. Xét thấy, cháu T đang có cuộc sống, học tập ổn định với bà H, cháu T cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo cho cháu có cuộc sống, học tập ổn định cũng như điều kiện phát triển mọi mặt nên giao cháu Tr cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Bà H yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2018 cho đến ngày con chung thành niên. Xét thấy, ông Đ không trực tiếp nuôi con nên phải cấp dưỡng nuôi con, bà H yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng là phù hợp nên được chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà H và ông Đ không có tài sản chung, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà H và ông Đ không có nợ chung, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Buộc bà H phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Buộc ông Đ phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị H, xử cho bà Dương Thị H và ông Cao Tấn Đ được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Cao Minh Tr, sinh ngày 18/9/2007 cho bà Dương Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên.

Về cấp dưỡng: Buộc ông Cao Tấn Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung tên Cao Minh Tr 2.000.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2018 cho đến ngày con chung thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

Về án phí: Bà Dương Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc khởi kiện xin ly hôn. Bà H đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2015/0007374 ngày 16/3/2018 được chuyển thu.

Buộc ông Cao Tấn Đ phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Bà H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Hiệp Thạnh, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu AV, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA